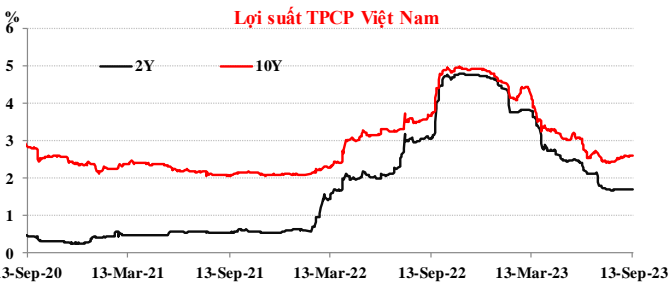

Lãi suất LNH
Trái phiếu

| Kỳ hạn | VND | | USD | | Kỳ hạn | Lợi suất | |
|--------|------|-------|------|-------|--------|----------|--------|
| | D/D | D/D | D/D | D/D | | Lợi suất | D/D |
| ON | 0.20 | 0.00 | 5.05 | -0.01 | 3Y | 1.71 | -0.005 |
| 1W | 0.38 | 0.00 | 5.16 | -0.01 | 5Y | 1.78 | 0.014 |
| 2W | 0.51 | 0.00 | 5.25 | -0.01 | 7Y | 2.28 | -0.002 |
| 1M | 1.18 | -0.02 | 5.36 | 0.00 | 10Y | 2.58 | 0.000 |
| 2M | 2.80 | 0.00 | 5.46 | 0.00 | 15Y | 2.77 | -0.015 |
| 3M | 3.10 | 0.00 | 5.54 | -0.01 | | | |
| 6M | 4.98 | 0.01 | 5.63 | -0.01 | | | |
| 9M | 5.93 | 0.00 | 5.73 | -0.01 | | | |
| 1Y | 6.29 | 0.02 | 5.78 | 0.00 | | | |


Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

| Ngày | Phiên | Kỳ hạn (ngày) | Lãi suất (%/năm) | KL gọi thầu | KL trúng | KL đến hạn | Bơm/hút ròng | KL lưu hành |
|----------|-------|---------------|------------------|-------------|----------|------------|--------------|-------------|
| 12-09-23 | 1 | 7 | 4.00 | 3,000 | - | - | - | 0.00 |
| 11-09-23 | 1 | 7 | 4.00 | 3,000 | - | - | - | 0.00 |
| 08-09-23 | 1 | 7 | 4.00 | 3,000 | - | - | - | 0.00 |

Thị trường TPCP sơ cấp

đơn vị: tỷ đồng

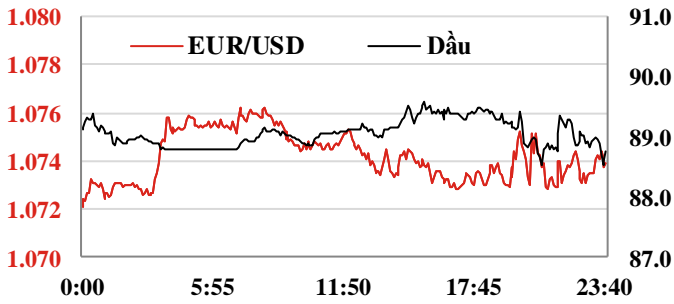
| TCPH | Ngày ĐT | Kỳ hạn | KL gọi thầu | KL trúng thầu | LS trúng thầu | Thay đổi |
|-------------|-----------|--------|-------------|---------------|---------------|----------|
| MOF | 13-Sep-23 | 5 | 500 | 500 | 1.67% | -0.02% |
| MOF | 13-Sep-23 | 10 | 2250 | 2250 | 2.36% | 0.00% |
| MOF | 13-Sep-23 | 15 | 2250 | 2250 | 2.59% | 0.00% |
| MOF | 13-Sep-23 | 30 | 500 | 0 | 0.00% | 0.00% |
| Tổng | | | 5500 | 5000 | | |

Chứng khoán ngày 13/09/2023

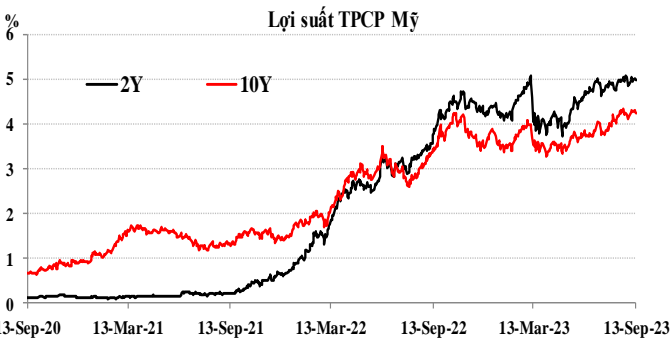
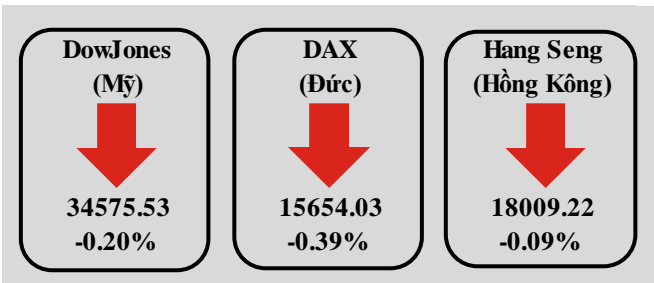
| | VN-Index | HNX-Index | Upcom |
|------------------|----------|-----------|---------|
| Điểm | 1238.39 | 256.11 | 94.18 |
| %/ngày | -0.57% | -0.08% | -0.10% |
| %/30/12/2022 | 22.97% | 24.7% | 31.4% |
| KLGD (tr.đ.vị) | 1263.79 | 116.46 | 83.6 |
| GTGD (tỷ đ) | 29761.84 | 2504.74 | 1355.79 |
| NDINN mua (tỷ đ) | 1677.42 | 18.38 | 33.11 |
| NDINN bán (tỷ đ) | 2879.74 | 8.52 | 4.28 |

Tin trong nước ngày 13/09

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 13/09, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.995 VND/USD, tăng 14 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.144 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 24.160 VND/USD, tăng mạnh 53 đồng so với phiên 12/09. Tỷ giá trên thị trường tự do không thay đổi ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 24.120 VND/USD và 24.200 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 13/09, lãi suất chào bình quân LNH VND đi ngang ở các kỳ hạn ngắn trong khi giảm 0,02 đpt ở kỳ hạn 1M so với phiên trước đó, cụ thể: ON 0,20; 1W 0,38%; 2W 0,51% và 1M 1,18%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 đpt ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giữ nguyên ở kỳ hạn 1M; giao dịch tại: ON 5,05%; 1W 5,16%; 2W 5,25%, 1M 5,36%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp biến động trái chiều, chốt phiên ở mức: 3Y 1,71%; 5Y 1,78%; 7Y 2,28%; 10Y 2,58%; 15Y 2,77%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, trên kênh cầm cố, NHNN tiếp tục chào thầu 3.000 tỷ đồng với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,0%. Phiên này không có khối lượng trúng thầu, không còn khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố. NHNN tiếp tục không chào thầu tín phiếu.
- Thị trường trái phiếu:** Hôm qua 13/09, KBNN chào thầu 5.500 tỷ đồng TPCP, khối lượng trúng thầu là 5.000 tỷ đồng, tương đương 91%. Trong đó, kỳ hạn 5Y huy động được toàn bộ 500 tỷ đồng chào thầu; kỳ hạn 10Y và 15Y cùng huy động được toàn bộ 2.250 tỷ đồng/kỳ hạn; kỳ hạn 30Y chào thầu 500 tỷ đồng và không có khối lượng trúng thầu. Lãi suất trúng thầu các kỳ hạn lần lượt tại 5Y 1,67% (-0,02 đpt), 10Y 2,36% (không đổi), 15Y 2,59% (không đổi).
- Thị trường chứng khoán:** Thị trường chứng khoán phiên hôm qua đầy biến động, lực cầu chưa đủ mạnh khiến chỉ số liên tục giằng co khi vượt vùng đỉnh cũ. Chốt phiên, VN-Index giảm 7,05 điểm (-0,57%) về mức 1.238,39 điểm; HNX-Index mất 0,21 điểm (-0,08%) còn 256,11 điểm; UpCOM-Index giảm 0,09 điểm (-0,10%) xuống 94,18 điểm. Thanh khoản thị trường tăng khá với giá trị giao dịch trên 33.600 tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng mạnh hơn 1.163 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Bộ Tài chính, lũy kế 8 tháng thu NSNN ước đạt 1.124,5 nghìn tỷ đồng, bằng 69,4% dự toán,** giảm 8,8% so với cùng kỳ năm 2022 (thu NSTW ước đạt khoảng 72,8% dự toán; thu NSDP ước đạt khoảng 65,5% dự toán). Lũy kế chi 8 tháng ước đạt 1.081,2 nghìn tỷ đồng, bằng 52,1% dự toán, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó: chi ĐTPPT ước đạt 41% dự toán Quốc hội quyết định, bằng 42,1% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (nếu tính cả kế hoạch vốn các địa phương giao tăng thêm so với kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao, thì tỷ lệ giải ngân đạt 39,31% kế hoạch), tăng 40,3% (khoảng 85,4 nghìn tỷ đồng) so với cùng kỳ; chi trả nợ lãi ước đạt 64,1% dự toán, tăng 0,9% so với cùng kỳ; chi thường xuyên ước đạt 61,1% dự toán, tăng 5,7% so với cùng kỳ.



| | 13 Sep 23 | Ngày (%) | Tuần (%) | Đầu năm (%) |
|-------------------|-----------|----------|----------|-------------|
| USD index | 104.77 | 0.05% | -0.09% | 1.20% |
| USD/CNY | 7.27 | -0.29% | -0.63% | 5.41% |
| USD/EUR | 0.93 | 0.22% | -0.01% | -0.24% |
| USD/JPY | 147.45 | 0.25% | -0.14% | 12.46% |
| USD/KRW | 1326.59 | 0.03% | -0.52% | 5.21% |
| USD/SGD | 1.36 | 0.04% | -0.18% | 1.57% |
| USD/TWD | 31.92 | -0.29% | -0.11% | 4.39% |
| USD/THB | 35.71 | 0.48% | 0.51% | 3.18% |
| USD/VND Trung tâm | 23995 | 0.06% | 0.02% | 1.62% |
| USD/VND LNH | 24160 | 0.22% | 0.47% | 2.61% |
| USD/VND tự do | 24179 | 0.14% | 0.21% | 2.03% |
| Vàng | 1906.30 | -0.36% | -0.52% | 4.49% |
| Dầu WTI | 88.52 | -0.36% | 1.12% | 10.29% |



Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

| NHTW | Đồng tiền | Kỳ trước | Kỳ này | Ngày thay đổi | Cuộc họp tới |
|-----------|-----------|----------|--------|---------------|--------------|
| Mỹ | USD | 5,25% | 5,50% | 26/07/2023 | 20/09/2023 |
| Châu Âu | EUR | 4,25% | 4,50% | 27/07/2023 | 14/09/2023 |
| Anh | GBP | 5,00% | 5,25% | 03/08/2023 | 21/09/2023 |
| Nhật | JPY | 0,10% | -0,10% | 28/01/2016 | 22/09/2023 |
| Australia | AUD | 3,85% | 4,10% | 06/06/2023 | 03/10/2023 |

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Mỹ ghi nhận thông tin quan trọng về lạm phát.** Văn phòng Thống kê Mỹ cho biết chỉ số giá tiêu dùng CPI lõi của nước này tăng 0,3% m/m trong tháng 8, cao hơn so với mức tăng 0,2% của tháng trước đó và cũng là dự báo của các chuyên gia. Bên cạnh đó, CPI toàn phần tăng 0,6% m/m trong tháng 8, cao hơn mức tăng 0,2% của tháng 7 và khớp với dự báo. So với cùng kỳ năm 2022, CPI lõi tăng 4,3% y/y và CPI toàn phần tăng 3,7% y/y trong tháng vừa qua, cùng cao hơn mức tăng 4,2% và 3,2% của tháng 7. Đóng góp chủ yếu vào đà tăng CPI tháng 8 là giá năng lượng với mức tăng 5,6% m/m, trong đó giá gas tăng mạnh tới 10,5%. Sau khi thông tin về CPI được công bố, công cụ của CME dự báo có 97% khả năng Fed giữ LSCS đi ngang trong cuộc họp ngày 20/09 sắp tới, và chỉ có 3% khả năng tăng thêm một nhịp 25 đcb.
- Kinh tế Anh giảm tương đối mạnh trong tháng 7.** Văn phòng Thống kê Quốc gia Anh ONS công bố GDP của nước này giảm 0,5% m/m trong tháng 7 sau khi tăng 0,5% ở tháng trước đó, sâu hơn mức giảm 0,2% theo dự báo. Trong tháng 7 vừa qua, sản lượng công nghiệp của nước này cũng cho thấy mức giảm 0,7% m/m sau khi tăng 1,8% ở tháng trước đó, sâu hơn mức dự báo giảm 0,6%. Sản lượng xây dựng cũng ghi nhận mức giảm 0,5% m/m trong tháng 7 sau khi tăng 1,6% ở tháng 6, khớp với dự báo.
- Sản lượng công nghiệp Eurozone giảm mạnh.** Văn phòng Thống kê Liên minh Châu Âu cho biết sản lượng công nghiệp tại khu vực này giảm 1,1% m/m trong tháng 7 sau khi tăng 0,4% ở tháng 6, sâu hơn mức giảm 0,8% theo dự báo. So với cùng kỳ năm 2022, sản lượng công nghiệp khu vực này giảm 2,2% y/y. Hôm nay, thị trường chờ đợi thông tin từ cuộc họp của NHTW Châu Âu ECB. Theo dự báo của Reuters, cơ quan này sẽ giữ LSCS đi ngang, theo đó LS cho tay tái cấp vốn giữ ở mức 4,25%.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

| Ngày | Giờ VN | Mức độ ảnh hưởng | Chỉ số kinh tế | Kỳ này | Dự báo | Kỳ trước |
|-------|--------|------------------|--|--------|--------|----------|
| 13-09 | 13:00 | *** | GDP Anh mm T8 | -0.5 | -0.2 | 0.5 |
| 13-09 | 13:00 | * | Sản lượng công nghiệp Anh mm T8 | -0.7 | -0.6 | 1.8 |
| 13-09 | 19:30 | *** | CPI lõi Mỹ mm T8 | 0.3 | 0.2 | 0.2 |
| 13-09 | 19:30 | *** | CPI toàn phần Mỹ mm T8 | 0.6 | 0.6 | 0.2 |
| 13-09 | 19:30 | *** | CPI toàn phần Mỹ yy T8 | 3.7 | 3.6 | 3.2 |
| 14-09 | 20:30 | *** | Số thay đổi việc làm tại Úc T8 | | 25.9K | -14.6K |
| 14-09 | 20:30 | *** | Tỷ lệ thất nghiệp Úc T8 | | 3.7 | 3.7 |
| 14-09 | 19:15 | *** | Lãi suất chính sách ECB | | 4.25 | 4.25 |
| 14-09 | 19:30 | *** | PPI lõi Mỹ mm T8 | | 0.2 | 0.3 |
| 14-09 | 19:30 | *** | Doanh số bán lẻ lõi Mỹ mm T8 | | 0.4 | 1.0 |
| 14-09 | 19:30 | *** | PPI Mỹ mm T8 | | 0.4 | 0.3 |
| 14-09 | 19:30 | *** | Doanh số bán lẻ Mỹ mm T8 | | 0.2 | 0.7 |
| 14-09 | 19:30 | *** | Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu Mỹ ww | | 225K | 216K |

VN-INDEX



VN-Index giảm điểm, đóng cửa tại 1.238,39 điểm. Thị trường xảy ra hiện tượng rung lắc tại đỉnh cũ với thanh khoản tương đối lớn. Tuy nhiên biên độ giảm trong phiên hôm qua đã hẹp hơn nhiều so với phiên đầu tuần. VN-Index có thể tiếp tục tìm kiếm sự cân bằng quanh vùng đỉnh ở những phiên sắp tới, sau đó bật tăng hướng đến ngưỡng kháng cự tiếp theo quanh 1.280 điểm.

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:
Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm
Email: ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích
Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn